

Số: /BC-STNMT

Ninh Thuận, ngày tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Về việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 3726/UBND-KTTH ngày 26/8/2022 về việc báo cáo thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021;

Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo kết quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021 theo các nội dung như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Hàng năm, đã quán triệt và chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; ban hành kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng của Sở và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Sở căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị để xây dựng chương trình, kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng của các đơn vị, triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện (thông qua Thanh tra Sở) định kỳ theo quy định.

Trong nội dung kế hoạch về công tác phòng, chống tham nhũng hàng năm đều chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến Luật phòng, chống tham nhũng và các văn bản có liên quan; thực hiện công khai, minh bạch các hoạt động của cơ quan, đơn vị; công khai các thủ tục hành chính, tài chính, ngân sách; đẩy mạnh cải cách hành chính; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, ngăn chặn tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

2. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

2.1. Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Thông qua các buổi sinh hoạt “Ngày pháp luật” hàng tháng, và các Hội nghị triển khai nhiệm vụ chuyên môn, đã lồng ghép tuyên truyền các nội dung của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày

01/7/2019 quy định chi tiết và biện pháp phòng, chống tham nhũng; Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII, XIII); Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Kết luận số 10-KL/TW, ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Quy định số 65-QĐ/TW ngày 03/02/2017 của Ban Bí thư Trung ương đảng về chỉ đạo, định hướng cung cấp thông tin tuyên truyền phòng, chống tham nhũng; Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 28/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 12/5/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí đến năm 2020; Kế hoạch số 5283/KH-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện công tác phòng, chống “Tham nhũng vặt” theo Chỉ thị số 62-CT/TU ngày 19/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để triển khai, tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các đơn vị, bộ phận thuộc Sở. Kết quả trong kỳ đã tổ chức triển khai quán triệt giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí với khoảng 1.350 người.

2.2. Tình hình tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng:

Nhằm triển khai có hiệu quả việc sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy và chức năng nhiệm vụ của Sở theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII.

Đã xây dựng Đề án tổ chức lại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 25/5/2021. Sau khi tổ chức lại bộ máy của Sở gồm 05 phòng chuyên môn và 05 đơn vị trực thuộc Sở (*01 chi cục chuyên ngành, 04 đơn vị sự nghiệp công lập*). Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 57/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định số 4402/QĐ-STNMT ngày 17/9/2021 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các phòng chuyên môn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Tài nguyên và Môi trường tinh gọn hơn, hoạt động có hiệu quả, hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn do UBND tỉnh giao.

Hiện nay, Thanh tra Sở và Văn phòng Sở là hai bộ phận trực tiếp tham mưu cho lãnh đạo Sở ban hành, xử lý những vấn đề có liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng của Sở và tại Sở không thành lập bộ phận chuyên trách về phòng, chống tham nhũng.

2.3. Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Ngoài các hoạt động quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nêu trên, hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên xây dựng Kế hoạch tập huấn, tuyên

truyền các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tài nguyên và môi trường, trong đó lồng ghép các nội dung liên quan đến chính sách pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

- *Đánh giá kết quả:* Việc thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội dung của pháp luật phòng, chống tham nhũng gắn với công tác chuyên môn góp phần không nhỏ trong việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm của từng công chức, viên chức và người lao động của toàn ngành tài nguyên và môi trường. Lãnh đạo các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Sở đã chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai thực hiện và không để xảy ra trường hợp tham nhũng nào.

- *Nội dung học tập và quán triệt chủ yếu:* Các hành vi tham nhũng; nguyên tắc xử lý tham nhũng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân trong phòng, chống tham nhũng; các hành vi bị nghiêm cấm; công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức; minh bạch tài sản, thu nhập; chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng; cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán; phát hiện tham nhũng và xử lý hành vi tham nhũng.

3. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng:

3.1. Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Tổ chức thực hiện tốt việc công khai, minh bạch hoạt động tại Sở: Ngoài các hình thức công khai, niêm yết tại trụ sở cơ quan, thông qua trang thông tin điện tử của Sở, Sở Tài nguyên và Môi trường đã công khai đến người dân, doanh nghiệp các hoạt động hành chính của cơ quan để biết, theo dõi và liên hệ, cụ thể như: Công khai quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa liên thông”; Triển khai phần mềm tiếp nhận và giao trả kết quả hồ sơ; Từ điển pháp luật về tài nguyên và môi trường;...

Văn phòng Sở, các đơn vị trực thuộc Sở thực hiện công khai các hoạt động về quản lý tài chính, ngân sách; quản lý thực hiện các chương trình, dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước; công khai việc quản lý, sử dụng tài sản công; công khai các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn, quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng. Văn phòng Sở thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công khai của các đơn vị và có đánh giá về việc công khai của từng đơn vị.

3.2. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn:

Hàng năm, đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ quản lý và sử dụng tài sản công và triển khai thực hiện theo đúng quy định.

3.3. Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng:

100% công chức, viên chức thực hiện và chấp hành nghiêm Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg ngày 10/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về quy chế tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng. Trong kỳ báo cáo, Sở chưa phát hiện trường hợp nào vi phạm.

3.4. Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức:

Thực hiện Chỉ thị số 02/CT-BTNMT ngày 29/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành tài nguyên và môi trường, Sở đã ban hành Kế hoạch số 3472/KH-STNMT ngày 17/8/2017 về phát động phong trào thực hiện văn hóa công sở của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Hàng năm, Sở đều ban hành Kế hoạch và tổ chức kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, trong đó có quy tắc ứng xử để khắc phục kịp thời những tồn tại, thiếu sót. Trong thời gian qua, 100% công chức, viên chức đã chấp hành nội quy, quy chế, quy tắc ứng xử, thực hiện nghiêm túc việc ứng xử trong giao tiếp làm việc, thực hiện tốt nếp sống văn hóa, văn minh nơi công sở.

3.5. Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định nhằm phòng ngừa tham nhũng (báo cáo số người được chuyển đổi trong kỳ báo cáo):

Tiếp tục thực hiện Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác, thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức viên chức; Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung Nghị định số 158/2007/NĐ-CP. Trong kỳ, Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng kế hoạch chuyển đổi 09/09 vị trí công tác (theo Kế hoạch số 5466/KH-STNMT ngày 12/12/2017). Kết quả đã chuyển đổi 06 trường hợp, 03 trường hợp còn lại tiếp tục thực hiện chuyển đổi theo quy định. Danh sách các vị trí công tác phải chuyển đổi đều được công khai tại cơ quan và trên trang tin điện tử của Sở. Qua đó, đã góp phần phát huy năng lực, sở trường trên lĩnh vực công tác được phân công, không để xảy ra tình trạng những nhiều, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc của công chức, viên chức.

3.6. Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập:

Thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập theo Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 27/7/2013 của Chính phủ, Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Báo cáo về kết quả minh bạch tài sản, thu nhập hàng năm cho Thanh tra tỉnh và UBND tỉnh theo quy định; trong 03 năm 2016, 2017 và 2018 đã thực hiện kê khai và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập đối với 331 trường hợp.

Riêng từ năm 2019, thực hiện chỉ đạo của Thanh tra Chính phủ và UBND tỉnh, Sở chưa thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2019, lý do trong thời gian chờ ban hành quy định mới.

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và Kế hoạch số 989/KH-UBND ngày 02/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu năm 2020. Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Văn bản số 944/STNMT-TTr ngày 10/3/2021, triển khai và hướng dẫn thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu cho năm 2020 và Văn bản số 5599/STNMT-VP ngày 16/11/2021 triển khai và hướng dẫn thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập cho năm 2021 theo quy định. Kết quả Sở đã thực hiện kê khai năm 2020 là 90 người /90 bản kê khai tài sản, thu nhập và năm 2021 là 70 người /70 bản kê khai tài sản, thu nhập. Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết tại trụ sở cơ quan là 90 bản kê khai.

3.7. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách:

Trong 5 năm qua, Đảng ủy, Sở Tài nguyên và Môi trường luôn coi trọng công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Sở nghiêm túc thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành; kịp thời ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí nhất là tiêu chí đánh giá cụ thể nhằm gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Về xử lý người đứng đầu: Từ năm 2016 - 2021, có 01 cán bộ, công chức, bị xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cụ thể: Kiểm điểm trách nhiệm, kỷ luật với hình thức cảnh cáo đối với ông Bùi Trọng Hiệp - Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên môi trường đã để xảy ra sai sót về tài chính tại đơn vị.

3.8. Việc thực hiện cải cách hành chính và áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Thực hiện theo Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 13/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó ngành Tài nguyên và Môi trường được giao nhiệm vụ rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất từ 30 ngày xuống còn tối đa là 20 ngày (giảm 10 ngày). Tất cả các thủ tục hành chính liên quan đến cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức rà soát, rút ngắn thời gian thực hiện xuống còn 20 ngày và dưới 20 ngày. Có 20/35 thủ tục cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính so với bộ TTHC do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố (đạt 59,6% thủ tục có rút ngắn); trong đó 14 thủ tục có thời gian cắt giảm từ 20% trở lên so với quy định (chiếm 40%).

Triển khai thực hiện các sáng kiến trong cải cách hành chính, đã mang lại hiệu quả thiết thực, được người dân và doanh nghiệp đồng thuận cao. Cụ thể: Xây dựng và áp dụng phần mềm “Công khai tình trạng tiếp nhận và xử lý hồ sơ một cửa tại Sở Tài nguyên và Môi trường trên môi trường điện tử”; thành lập “Tổ hỗ trợ

pháp lý” tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai 07 huyện, thành phố; xây dựng mô hình “Văn hóa công sở” triển khai áp dụng trong toàn ngành.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin: Tổ chức triển khai xây dựng hoàn thiện phần mềm WebGIS quản lý bản đồ quy hoạch sử dụng đất dạng Web Form và dạng Mobile (nền tảng công nghệ Android) để công khai, minh bạch thông tin, dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh. Phần mềm đã cài đặt và vận hành thử nghiệm tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Ninh Thuận, với địa chỉ truy cập <http://ttqh.ninhthuan.gov.vn>.

3.9. Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản:

Thực hiện trả lương qua tài khoản ngân hàng đối với 100% công chức, viên chức và người lao động, kể cả các giao dịch thanh toán khác, hạn chế tối đa việc sử dụng tiền mặt.

4. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng; việc giải quyết, kiểm sát giải quyết, xét xử vụ việc, vụ án tham nhũng; kết quả thu hồi tài sản tham nhũng:

4.1. *Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của các ngành, đơn vị, địa phương; kết quả thu hồi tài sản tham nhũng:*

Trong kỳ báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường không phát sinh trường hợp điều tra, truy tố, xét xử tham nhũng trong phạm vi quản lý của ngành.

4.2. *Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ:*

Văn phòng Sở, các đơn vị trực thuộc Sở (Chi cục Bảo vệ môi trường, Trung tâm Phát triển quỹ đất Ninh Thuận, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường Ninh Thuận, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Ninh Thuận, Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận) thực hiện rà soát, tự kiểm tra việc quản lý, sử dụng các nguồn ngân sách, đề nghị cơ quan tài chính duyệt quyết toán. Kết quả trong kỳ báo cáo, Sở không phát hiện trường hợp nào vi phạm Luật Phòng, chống tham nhũng.

Đảng ủy, Ban Giám đốc Sở đã chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Ban thanh tra nhân dân hằng năm xây dựng chuyên đề kiểm tra, giám sát việc chỉ đạo, thực hiện chấp hành pháp luật khi thi hành công vụ, trọng tâm về nội dung lãnh đạo thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí. Trong năm 2020 và 2021, thực hiện kiểm tra, giám sát theo chuyên đề về việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí đối với các Chi bộ thuộc Sở. Qua kiểm tra, giám sát không phát hiện trường hợp nào vi phạm Luật Phòng, chống tham nhũng.

Trên cơ sở Kế hoạch thanh, kiểm tra năm hàng năm, Sở đã thực hiện 06 cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật trong giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo gắn với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Qua thanh tra, không phát hiện trường hợp nào vi phạm các quy định về phòng, chống tham nhũng.

4.3. Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra:

*. *Kết luận thanh tra, kiểm tra đã được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành: Từ năm 2016 đến nay đã xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra với tổng số 45 cuộc; kết quả thực hiện 75 cuộc (gồm cả thanh tra, kiểm tra đột xuất) đối với 132 tổ chức, cá nhân trên các lĩnh vực: đất đai, môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước. Qua thanh tra, kiểm tra phát hiện 94 tổ chức, cá nhân vi phạm. Nội dung các vi phạm chủ yếu về sử dụng đất (không sử dụng đất quá 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm quá 24 tháng, ...); bảo vệ môi trường (không có hồ sơ môi trường, báo cáo chất thải nguy hại, không thực hiện giám sát môi trường; không thực hiện đúng một trong các nội dung đề án, kế hoạch bảo vệ môi trường phê duyệt...); vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản (khai thác không đúng phương pháp theo báo cáo thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt, không xây dựng cơ bản mỏ; cấm mốc ranh giới mỏ không đầy đủ, khai thác vượt công suất...).*

- Kết quả xử lý các vi phạm:

+ Kết quả xử lý về vi phạm về chậm tiến độ sử dụng đất: Đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 23 Quyết định cho 23 tổ chức gia hạn tiến độ sử dụng đất tại các dự án, trên cơ sở đó Cục thuế tỉnh đã ban hành 23 Thông báo yêu cầu các tổ chức nộp khoản tiền bổ sung trong thời gian gia hạn tiến độ sử dụng đất với tổng số tiền là 19.628.933.626 đồng; đến nay đã thu nộp ngân sách nhà nước với tổng số tiền là 15.115.629.067 đồng/19 tổ chức, còn lại 04 tổ chức chưa nộp với tổng số tiền là 4.128.168.879 đồng. Đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 04 quyết định thu hồi đất đối với 04 tổ chức: Công ty Cổ phần giống thủy sản Hùng Vương Bến Tre với diện tích 157.330 m² đất được thuê để thực hiện dự án Trung tâm tôm giống bố mẹ Ninh Thuận – HVB; Công ty Cổ phần TNHH Vận tải Lộc Phát với diện tích 6.259 m² đất được thuê để thực hiện dự án Bến đố - Trạm dừng chân xe buýt; Công ty TNHH Đông Hải Ninh Thuận để thực hiện dự án chế biến bột cái với diện tích 2.869m² và Công ty TNHH Châu Lâm Thịnh với diện tích 242.037m² để thực hiện dự án trồng rừng và chế biến dầu Diesel từ cây dầu lai. Ngoài ra, Sở tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định xử phạt vi phạm chính đối với Công ty CP năng lượng tái tạo BIM, với số tiền 100.000.000 đồng về hành vi lấn, chiếm đất đầu tư xây dựng điện mặt trời.

+ Đối với các tổ chức có vi phạm về lĩnh vực khoáng sản: Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản đối với 02 tổ chức (Công ty TNHH Một thành viên Chí Lành và Công ty TNHH Bách Hà – Ninh Thuận); ban hành và tham mưu ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 06 tổ chức (Công ty Cổ phần Giao Thông Ninh Thuận, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đá Việt Nam, Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Tân Phát, Công ty THHH Nhật Khánh Thịnh, Công ty TNHH XD Liên Minh và Công ty TNHH Bình Minh Ninh Thuận), với tổng số tiền phạt là 231.000.000 đồng. Kết quả, đến nay các tổ chức đã thực hiện xong nộp phạt và khắc phục hậu quả.

+ Đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm về lĩnh vực môi trường: Đề nghị Ủy ban nhân huyện Ninh Hải tiến hành lập thủ tục xử lý các hành vi vi phạm đối với 11 cơ sở sản xuất giống thủy sản trên địa bàn xã Nhơn Hải theo thẩm quyền. Chỉ đạo Thanh tra Sở ban hành 04 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 04 tổ chức (Công ty TNHH Đá Hóa An 1, Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Phú Thọ, Công ty Cổ phần Vận Tải và Dịch vụ Thương mại Xây dựng Đại Lợi, Công ty CP Phan Rang Thành), với tổng số tiền 250.500.000 đồng. Kết quả, đến nay tổ chức vi phạm trên đã thực hiện xong nộp phạt và khắc phục hậu quả.

*. *Kết luận thanh tra đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: 03 kết luận:* (1). Kết luận thanh tra số 1320/KL-UBND ngày 14/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh “về tình hình quản lý sử dụng đất tại khu vực hồ Sông Biêu, xã Nhị Hà, huyện Thuận Nam”; (2). Kết luận thanh tra số 44/KL-UBND ngày 03/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh “về tình hình quản lý, sử dụng đất, xây dựng nhà ở và công trình trái phép hai bên đường của một số tuyến đường chính trong tỉnh”; (3). Kết luận thanh tra số 944/KL-BTNMT ngày 02/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về “việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên và môi trường tại tỉnh Ninh Thuận”.

Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra chưa phát hiện hành vi tham nhũng nói chung và “tham nhũng vặt” nói riêng xảy ra tại địa phương.

4.4. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Từ năm 2016-2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp nhận, xử lý và tham mưu giải quyết 1.270 đơn về lĩnh vực tài nguyên và môi trường (chủ yếu là lĩnh vực đất đai), trong đó có 48 đơn khiếu nại, tố cáo; 29 đơn tranh chấp và 1.193 đơn phản ánh, kiến nghị. Sở đã tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết 77/77 vụ khiếu nại, tố cáo và tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền (gồm 47 vụ khiếu nại, 01 vụ tố cáo và 29 vụ tranh chấp); Qua giải quyết, đã kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước 141.578.000 đồng và 3.294 m² đất nông nghiệp; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho công dân với số tiền là 9.985.233.500 đồng; giao 05 lô tái định cư cho 05 hộ khiếu nại đúng; công nhận quyền sử dụng đất ở để bồi thường cho 02 hộ.

Qua công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo chưa phát hiện hành vi tham nhũng.

5. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

5.1. Việc triển khai các cuộc thanh tra:

Trong giai đoạn 2016 - 2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện 06 cuộc thanh trách nhiệm đối với 06 đơn vị trực thuộc về việc thực hiện chính sách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và việc thực hiện các quy định của pháp luật trong giải quyết khiếu nại, tố cáo gắn với công tác thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc Sở. Ngoài ra, lãnh đạo Sở đã chỉ đạo các phòng chuyên môn thuộc Sở thường xuyên tăng cường tự kiểm tra, đôn

độc việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, không để xảy ra tình trạng giải quyết công việc thiếu công khai, minh bạch, các chỉ tiêu nội bộ, tiêu chuẩn, định mức đảm bảo đúng quy định và phải chịu trách nhiệm liên đới nếu để công chức, viên chức thuộc quyền quản lý có hành vi gây lãng phí trong thực thi nhiệm vụ, công vụ. Đến nay, 06 cuộc thanh tra đã ban hành kết luận.

Qua thanh tra, không có hành vi vi phạm liên quan đến công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí; không có đơn thư khiếu nại, tố cáo nào từ công chức, viên chức và không có công chức, viên chức vi phạm về hành vi tham nhũng, lãng phí.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị: Quá trình theo dõi, đôn đốc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra trong thời gian qua, cho thấy công tác xử lý sau thanh tra, kiểm tra được Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện đầy đủ, kịp thời. Khi kết luận thanh tra được ban hành, Lãnh đạo Sở đã chỉ đạo Thanh tra Sở chủ động cập nhật các thông tin, số liệu có liên quan đến việc thực hiện kết luận thanh tra, tổ chức tiến hành theo dõi, đôn đốc thực hiện theo quy định, góp phần tăng tỷ lệ hoàn thành thực hiện kết luận thanh tra; sự phối hợp giữa các chủ thể có liên quan trong tổ chức thực hiện kết luận thanh tra chặt chẽ, kịp thời. Đến nay, các nội dung kiến nghị về thanh tra đã được các đơn vị triển khai thực hiện đầy đủ, chủ động xây dựng kế hoạch khắc phục các tồn tại, hạn chế nhằm tránh xảy ra các sai sót tương tự trong thời gian tới.

6. Số vụ việc tham nhũng liên quan đến cán bộ, công chức thanh tra cấp sở, ngành và thanh tra cấp huyện của cơ quan, đơn vị, ngành mình:

Trong thời gian quan, cán bộ, công chức Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định của pháp luật; công khai, minh bạch trong hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. Do đó, tại Sở không có trường hợp tham nhũng nào liên quan đến cán bộ làm công tác thanh tra.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng, tiêu cực luôn được Đảng ủy, Ban Giám đốc Sở xác định là nhiệm vụ trọng tâm để chỉ đạo thực hiện. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo đã triển khai kịp thời, đầy đủ các nội dung chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra gắn với công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực theo tinh thần Chỉ thị số 03-CT/TU, các văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo về công tác xử lý sau thanh tra kinh tế - xã hội và các văn bản quy định có liên quan. Qua đó nhận thức về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của cán bộ, đảng viên, công chức được nâng cao; đã chủ động phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, có ý thức trong việc sử dụng các vật tư, thiết bị văn phòng trên cơ sở tiết kiệm đúng mức, hợp lý.

Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, các phòng chuyên môn thuộc Sở đã triển khai thực hiện các chương trình kế hoạch hành động về thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng. Đã thực hiện tốt quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức; minh bạch tài sản và thu nhập. Do đó trong thời gian qua không có công

chức, viên chức vi phạm trong lĩnh vực phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Trên cơ sở kết quả đạt được trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí tại Sở Tài nguyên và Môi trường trong những năm qua có thể dự báo rằng tình hình tham nhũng, tiêu cực trong thời gian tới tại Sở Tài nguyên và Môi trường là chưa có khả năng phát sinh.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN ĐẾN

Tiếp tục tuyên truyền phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực, thống nhất có hiệu quả từ nhận thức đến hành động của cán bộ, công chức, viên chức trong việc phòng, chống tiêu cực trong nội bộ cơ quan.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tiêu cực trong nội bộ cơ quan. Qua đó, nhằm phòng ngừa không để xảy ra tiêu cực, tham nhũng trong thực thi công vụ.

Xây dựng kế hoạch phối hợp giữa tổ chức đảng các đoàn thể quần chúng và chính quyền cơ sở trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong nội bộ. Đồng thời, duy trì công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí một cách thường xuyên, liên tục, có biện pháp chặt chẽ, không để sơ hở trong công tác quản lý, điều hành và thực thi nhiệm vụ

Kịp thời biểu dương, khen thưởng những cán bộ, đảng viên, công chức và nhân dân dũng cảm tố cáo, phát hiện những hành vi tham nhũng, kinh tế, tiêu cực.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Hàng năm tổ chức các hội nghị tập huấn cho công chức làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; bồi dưỡng cập nhật chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng cho cán bộ làm công tác phòng, chống tham nhũng.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; bảo đảm đi vào chiều sâu, đa dạng, hấp dẫn, hiệu quả; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong công tác tuyên truyền. Chú trọng kết hợp với tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng với giáo dục đạo đức liêm chính, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, công chức, viên chức; tập trung vào các điểm mới của Luật phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về việc kê khai tài sản, thu nhập theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Thanh tra Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

B. THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH, TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Tình hình phổ biến, tuyên truyền về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

- Trong thời gian qua, các văn bản pháp luật liên quan công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí đều được Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên phổ biến, cập nhật đến từng công chức, viên chức và người lao động (*qua TDOffice, mạng nội bộ, sinh hoạt ngày pháp luật, ...*) và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở để các công chức, viên chức và người lao động và các tổ chức, cá nhân quan tâm có thể theo dõi, tra cứu.

- Thường xuyên và duy trì triển khai quán triệt, học tập Luật số 44/2013/QH13 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 26/11/2013 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2014; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở và các đơn vị trực thuộc; Chỉ thị số 05/2008/CT-TTg ngày 31/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao hiệu quả sử dụng thời giờ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; các Thông tư của Bộ Tài chính quy định việc thực hiện dự toán ngân sách nhà nước qua các năm từ năm 2016 đến năm 2021.

2. Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền:

Giai đoạn 2016-2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 21 văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường (trong đó: có 12 Quyết định và 09 Nghị quyết) liên quan đến việc xây dựng, ban hành hệ thống định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi ngân sách nhà nước.

Nhìn chung, công tác tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại Sở Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở căn cứ vào Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, cũng như các văn bản pháp luật khác có liên quan thuộc thẩm quyền ban hành của cơ quan cấp trên về lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Các văn bản được ban hành đúng căn cứ pháp lý, đúng thẩm quyền và có nội dung phù hợp với quy định và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, không trái các quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản đảm bảo theo quy định của pháp luật; các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành đảm bảo tính khả thi cao, áp dụng thuận lợi trong thực tiễn, không có văn bản nào bị hủy bỏ, bãi bỏ do vi phạm các quy định của pháp luật.

3. Quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên:

3.1. Quản lý, sử dụng đất đai:

3.1.1. Thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

a) Đối với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia:

Kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước của tỉnh Ninh Thuận đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ, cụ thể như sau:

- Về chỉ tiêu đất nông nghiệp: Đến hết năm 2020 tỉnh Ninh Thuận thực hiện được 290.885 ha, cao hơn 7.145 ha so với chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Đất trồng lúa: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ là 18.633 ha, thực hiện đến năm 2020 là 20.277 ha, cao hơn chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ phân bổ là 1.664 ha.

- Đất chuyên trồng lúa nước: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ là 15.981 ha, thực hiện đến năm 2020 là 17.049 ha, cao hơn 1.068 ha so với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Đất rừng phòng hộ: Thủ tướng do Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến hết năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có 115.700 ha đất rừng phòng hộ; tỉnh Ninh Thuận thực hiện được 127.373 ha, cao hơn 11.673 ha, đạt 110,09% chỉ tiêu được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Đất rừng đặc dụng: Thủ tướng Chính phủ phân bổ quản lý, bảo vệ 42.327 ha đất rừng đặc dụng, thực hiện đến năm 2020 được 41.653 ha, thực hiện thấp hơn 674 ha, đạt 98,41% chỉ tiêu được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Đất rừng sản xuất: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 tỉnh Ninh Thuận có 39.910 ha đất rừng sản xuất; thực hiện được 29.929 ha, thấp hơn 9.981 ha so với chỉ tiêu phân bổ.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 tỉnh Ninh Thuận có 2.500 ha đất nuôi trồng thủy sản; thực tế thực hiện được 2.185 ha, chưa thực hiện 470 ha và đạt 81,20% chỉ tiêu phân bổ.

- Đất làm muối: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 là 3.942 ha, thực tế thực hiện đến hết năm 2020 đạt 3.861 ha chưa thực hiện 81 ha so với chỉ tiêu phân bổ.

- Đất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ là 42.925 ha, thực hiện đến năm 2020 là 35.654 ha, chưa thực hiện 7.271 ha và đạt 83,06% chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Đất quốc phòng: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 có 3.547 ha đất quốc phòng, thực hiện đến năm 2020 đạt 3.022 ha, chưa thực hiện 525 ha và đạt 85,20% chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Đất an ninh: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ là 681 ha; thực hiện đến năm 2020 đạt 589 ha, chưa thực hiện 92 ha và đạt 86,49% chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Đất khu công nghiệp: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ là 1.682 ha đất khu công nghiệp, thực hiện đến năm 2020 được 783 ha, chưa thực hiện 899 ha và đạt 46,55% chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Đất phát triển hạ tầng: Dự kiến đến năm 2020 tỉnh Ninh Thuận có 15.718 ha đất phát triển hạ tầng được Thủ tướng Chính phủ phân bổ, thực hiện được 15.602 ha, chưa thực hiện 116 ha và đạt 99,26% so với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

+ Đất cơ sở văn hóa: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 là 124 ha; thực hiện hết năm 2020 đạt 50 ha, chưa thực hiện 74 ha so với chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ giao;

+ Đất cơ sở y tế: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 là 64 ha; thực hiện hết năm 2020 đạt 47 ha, chưa thực hiện 17 ha so với chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ giao;

+ Đất cơ sở giáo dục - đào tạo: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 là 412 ha; thực hiện hết năm 2020 118 ha, chưa thực hiện 294 ha so với chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ giao;

+ Đất cơ sở thể dục - thể thao: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 là 645 ha; thực hiện hết năm 2020 đạt 312 ha, chưa thực hiện 74 ha so với chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ giao;

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh có 321 ha đất có di tích lịch sử - văn hóa; thực hiện được 299 ha, chưa thực hiện 22 ha so với chỉ tiêu phân bổ.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Thực hiện đến năm 2020 được 38 ha, chưa thực hiện 262 ha so với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ phân bổ (chỉ tiêu phê duyệt là 300 ha).

- Đất ở tại đô thị: Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 có 1.793 ha đất ở tại đô thị; thực hiện đến năm 2020 đạt 1.273 ha, chưa thực hiện 520 ha so với chỉ tiêu kế hoạch phân bổ.

- Đất chưa sử dụng: Chỉ tiêu do Thủ tướng Chính phủ phân bổ đến năm 2020 tỉnh Ninh Thuận còn 8.989 ha đất chưa sử dụng; thực hiện đến năm 2020 còn 8.995 ha, chưa thực hiện khai thác 6 ha đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích sử dụng đất nông, lâm nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng.

b) Đối với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh:

Kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước của tỉnh Ninh Thuận đã được Chính phủ phê duyệt, cụ thể như sau:

- Về chỉ tiêu đất nông nghiệp: Đến hết năm 2020 tỉnh Ninh Thuận thực hiện được 290.885 ha, cao hơn 7.145 ha so với chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp đã được Chính phủ phê duyệt.

- Đất trồng lúa: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt là 18.633 ha, thực hiện đến năm 2020 là 20.277 ha, cao hơn chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt là 1.664 ha.

- Đất chuyên trồng lúa nước: Chỉ tiêu Chính phủ phân bổ là 15.981 ha, thực hiện đến năm 2020 là 17.049 ha, cao hơn 1.068 ha so với chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt.

- Đất trồng cây lâu năm: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến hết năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có 16.763 ha đất trồng cây lâu năm; tỉnh Ninh Thuận thực hiện được 18.729 ha, cao hơn 1.966 ha, đạt 111,73% chỉ tiêu được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Đất rừng phòng hộ: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến hết năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có 116.172 ha đất rừng phòng hộ; tỉnh Ninh Thuận thực hiện được 127.373 ha, cao hơn 11.201 ha, đạt 109,64% chỉ tiêu được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Đất rừng đặc dụng: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt quản lý, bảo vệ 42.327 ha đất rừng đặc dụng, thực hiện đến năm 2020 được 41.653 ha, chưa thực hiện 674 ha và đạt 98,41% chỉ tiêu được Chính phủ phê duyệt.

- Đất rừng sản xuất: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 tỉnh Ninh Thuận có 39.910 ha đất rừng sản xuất; thực hiện được 29.929 ha, thấp hơn 9.981 ha so với chỉ tiêu Chính phủ giao.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 tỉnh Ninh Thuận có 1.939 ha đất nuôi trồng thủy sản; thực tế thực hiện được 2.185 ha, thực hiện cao hơn 91 ha và đạt 104,69% chỉ tiêu Chính phủ giao.

- Đất làm muối: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt phân bổ đến năm 2020 là 3.267 ha, thực tế thực hiện đến hết năm 2020 đạt 3.861 ha, thực hiện cao hơn 594 ha so với chỉ tiêu Chính phủ giao.

- Đất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt là 42.925 ha, thực hiện đến năm 2020 là 35.654 ha, chưa thực hiện 7.271 ha và đạt 83,06% chỉ tiêu Chính phủ giao.

- Đất quốc phòng: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 có 3.547 ha đất quốc phòng, thực hiện đến năm 2020 đạt 3.022 ha, chưa thực hiện 525 ha và đạt 85,20% chỉ tiêu Chính phủ giao.

- Đất an ninh: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt là 681 ha; thực hiện đến năm 2020 đạt 589 ha, chưa thực hiện 92 ha và đạt 86,49% chỉ tiêu Chính phủ giao.

- Đất khu công nghiệp: Chính phủ phê duyệt là 1.682 ha đất khu công nghiệp, thực hiện đến năm 2020 được 783 ha, chưa thực hiện 899 ha và đạt 46,55% chỉ tiêu do Chính phủ giao.

- Đất cụm công nghiệp: Chính phủ phê duyệt là 686 ha đất cụm công nghiệp, thực hiện đến năm 2020 được 227 ha, chưa thực hiện 459 ha và đạt 33,09% chỉ tiêu do Chính phủ giao.

- Đất thương mại, dịch vụ: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt là 638 ha đất thương mại, dịch vụ, thực hiện đến năm 2020 được 361 ha, chưa thực hiện 277 ha và đạt 56,58% chỉ tiêu do Chính phủ giao.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt là 1.726 ha đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, thực hiện đến năm 2020 được 924 ha, chưa thực hiện 802 ha và đạt 53,53% chỉ tiêu do Chính phủ giao.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt là 648 ha đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, thực hiện đến năm 2020 được 244 ha, chưa thực hiện 404 ha và đạt 37,65% chỉ tiêu do Chính phủ giao.

- Đất phát triển hạ tầng: Dự kiến đến năm 2020 tỉnh Ninh Thuận có 18.895 ha đất phát triển hạ tầng được Chính phủ phê duyệt, thực hiện được 15.602 ha, chưa thực hiện 3.293 ha và đạt 82,57% so với chỉ tiêu Chính phủ giao.

+ Đất cơ sở văn hóa: Chỉ tiêu do Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 là 124 ha; thực hiện hết năm 2020 đạt 50 ha, chưa thực hiện 74 ha so với chỉ tiêu do Chính phủ giao;

+ Đất cơ sở y tế: Chỉ tiêu do Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 là 64 ha; thực hiện hết năm 2020 đạt 47 ha, chưa thực hiện 17 ha so với chỉ tiêu do Chính phủ giao;

+ Đất cơ sở giáo dục - đào tạo: Chỉ tiêu do Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 là 412 ha; thực hiện hết năm 2020 118 ha, chưa thực hiện 527 ha so với chỉ tiêu do Chính phủ giao;

+ Đất cơ sở thể dục - thể thao: Chỉ tiêu do Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 là 645 ha; thực hiện hết năm 2020 đạt 312 ha, chưa thực hiện 74 ha so với chỉ tiêu do Chính phủ giao;

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh có 321 ha đất có di tích lịch sử - văn hóa; thực hiện được 299 ha, chưa thực hiện 22 ha so với chỉ tiêu Chính phủ giao.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Thực hiện đến năm 2020 được 38 ha, chưa thực hiện 262 ha so với chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt (chỉ tiêu phê duyệt là 300 ha).

- Đất ở tại nông thôn: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 có 4.120 ha đất ở tại nông thôn; thực hiện hết năm 2020 đạt 4.145 ha, cao hơn 25 ha so với chỉ tiêu do Chính phủ giao.

- Đất ở tại đô thị: Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 có 1.793 ha đất ở tại đô thị; thực hiện đến năm 2020 đạt 1.273 ha, chưa thực hiện 520 ha so với chỉ tiêu đã được Chính phủ giao.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 có 129 ha đất xây dựng trụ sở cơ quan; thực hiện hết năm 2020 đạt 100 ha, chưa thực hiện 29 ha so với chỉ tiêu do Chính phủ giao.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 có 98 ha đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp; thực hiện hết năm 2020 đạt 51 ha, thực hiện thấp hơn 47 ha so với chỉ tiêu do Chính phủ giao.

- Đất cơ sở tôn giáo: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 có 96 ha đất cơ sở tôn giáo; thực hiện hết năm 2020 đạt 105 ha, thực hiện vượt 9 ha so với chỉ tiêu do Chính phủ giao.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Chỉ tiêu Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 có 952 ha đất ở tại nông thôn; thực hiện hết năm 2020 đạt 859 ha, chưa thực hiện 93 ha so với chỉ tiêu do Chính phủ giao.

- Đất chưa sử dụng: Chính phủ phê duyệt đến năm 2020 tỉnh Ninh Thuận còn 8.989 ha đất chưa sử dụng; thực hiện đến năm 2020 còn 8.995 ha, chưa thực hiện khai thác 6 ha đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích sử dụng đất nông, lâm nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng.

c) Số công trình, dự án và diện tích đất (ha) đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất trong kế hoạch sử dụng đất cuối kỳ giai đoạn 2016-2020 theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật đất đai mà sau 03 năm chưa triển khai:

Qua rà soát có 32 công trình dự án nằm trong danh mục công trình thu hồi đất được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt nhưng quá 03 năm chưa thực hiện, với tổng diện tích 141,58 ha.

3.1.2. Về việc Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất:

a) Về giao đất không thu tiền sử dụng đất (quy định tại Điều 54 của Luật Đất đai năm 2013):

- Diện tích đất giao: Diện tích giao đất không thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2016 - 2021 là 838,46 ha;

- Đối tượng giao đất là các tổ chức;

b) Về giao đất có thu tiền sử dụng đất (quy định tại Điều 55 của Luật Đất đai năm 2013):

- Diện tích đất giao: Diện tích giao đất có thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2016 - 2021 là 33,47 ha;

- Mục đích sử dụng đất giao chủ yếu thực hiện các dự án khu dân cư, khu đô thị;

- Đối tượng giao đất là các tổ chức kinh tế.

c) Về thuê đất (quy định tại Điều 56 của Luật Đất đai năm 2013):

- Diện tích đất thuê: giai đoạn 2016 - 31/12/2021 là 5.138,45 ha;

- Đối tượng được Nhà nước cho thuê đất là các tổ chức kinh tế;

- Diện tích đất thuê nhưng tiến độ sử dụng chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư đã bị thu hồi đất là 16,35 ha.

d) Về việc Nhà nước thu hồi đất:

- Diện tích đất Nhà nước thu hồi theo Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai từ 01/01/2016 đến 31/12/2020 là 6.268,27 ha.

- Diện tích đất thu hồi theo Điều 64 của Luật Đất đai nhưng đến 31/12/2021 chưa thu hồi: không có.

- Diện tích đất thu hồi theo Điều 65 của Luật Đất đai nhưng đến 31/12/2021 chưa thu hồi: không có.

3.1.3. Về việc Nhà nước cấp Giấy chứng nhận (GCN) quyền sử dụng đất cho tổ chức sử dụng đất (quy định tại Điều 102 của Luật Đất đai năm 2013):

a) Số các tổ chức (doanh nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức sự nghiệp, tổ chức khác) được cấp GCN quyền sử dụng đất, diện tích đã được cấp GCN:

Từ 01/01/2016 đến 31/12/2020 đã cấp GCN quyền sử dụng đất cho 290 tổ chức, với diện tích 1.994,91 ha; Năm 2021 đã cấp GCN quyền sử dụng đất cho 187 tổ chức, với diện tích 382,25 ha.

b) Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất của các nông, lâm trường quốc doanh; công ty nông, lâm nghiệp theo quy định tại điều 46 Luật Đất đai:

Số các nông, lâm trường quốc doanh, công ty nông, lâm nghiệp đã hoàn thành việc sắp xếp đổi mới và đã được cấp GCN quyền sử dụng đất:

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 về việc phê duyệt Phương án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tân Tiến và Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 về việc phê duyệt Phương án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ninh Sơn.

Tổng diện tích được cấp giấy CNQSDĐ và có quyết định giao đất đối với Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Tân Tiến và Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ninh Sơn là 51.986,63 ha (trong đó: Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Tân Tiến là 24.262,80 ha và Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ninh Sơn là 27.723,83 ha).

Tổng diện tích bàn giao cho các địa phương quản lý, sử dụng là 4.118,66 ha.

3.2. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước:

a) Thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước:

Triển khai thực hiện hiệu quả Luật Tài nguyên nước và các văn bản hướng dẫn thi hành, để tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 02/11/2016 về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác quản lý và sử dụng tài nguyên nước giai đoạn 2016-2020; Ủy ban nhân

dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện và các cấp, các ngành đã xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy, ban hành Quy định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định hồ sơ cấp phép tài nguyên nước; Quy chế phối hợp bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh và các Kế hoạch, văn bản chỉ đạo về triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương. Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên phối hợp tổ chức tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật tài nguyên nước đến mọi tầng lớp Nhân dân bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú; tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Nước thế giới 22 tháng 3 hàng năm, đã thu hút được sự quan tâm và tham gia tích cực của toàn xã hội, có ý nghĩa và sức lan tỏa cao, góp phần làm thay đổi nhận thức, hành vi, thói quen và cách ứng xử với tài nguyên nước ở hiện tại và tương lai.

Trong giai đoạn 2016-2021, trên địa bàn tỉnh đã cấp 19 giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt (Bộ TNMT cấp 08 giấy phép, UBND tỉnh cấp 11 giấy phép), 21 giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất và 12 giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

b) Chấp hành và không chấp hành các quy định của pháp luật tài nguyên nước:

Công tác quản lý, cấp phép hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh luôn đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, không có trường hợp cấp sai, trái quy định; công tác kiểm tra, giám sát luôn được tăng cường thường xuyên; các tổ chức, cá nhân được cấp phép đều chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước; bên cạnh đó vẫn có những trường hợp chưa chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật, như: chưa thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc quan trắc, giám sát nguồn nước (*mức nước, lưu lượng, chất lượng nước*); chưa thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc báo cáo định kỳ tình hình khai thác, sử dụng nước dưới đất theo quy định của nội dung giấy phép; khai thác sai vị trí so với giấy phép được cấp; khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước chưa có giấy phép tài nguyên nước theo quy định.

Giai đoạn 2016-2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức 10 cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất về chấp hành pháp luật tài nguyên nước đối với 38 tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã xử lý vi phạm hành chính các trường hợp có sai phạm với tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 85.000.000 đồng.

c) Việc tuân thủ các nguyên tắc, quy định về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước: Công tác thăm định, cấp phép về tài nguyên nước đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với các tổ chức, cá nhân được cấp phép được thực hiện thường xuyên. Qua kiểm tra, giám sát, các tổ chức, cá nhân được cấp phép đã thực hiện khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước đúng với các

nội dung quy định trong giấy phép không gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

d) Việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; quản lý theo quy định của pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các pháp luật chuyên ngành:

Để bảo đảm quản lý, khai thác sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước theo phương thức tổng hợp và hiệu quả cao nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước của tỉnh góp phần phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, bảo đảm an sinh xã hội trước diễn biến của biến đổi khí hậu và sự suy giảm nguồn nước, UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra và tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; ban hành Danh mục nguồn nước nội tỉnh gồm 41 nguồn nước (22 sông, 15 suối, 02 phụ lưu, 01 kênh và 01 vũng) làm căn cứ để triển khai các hoạt động quản lý lưu vực sông, quản lý các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, điều hòa phân bổ nguồn nước trên các lưu vực sông của tỉnh.

Để tiết kiệm nước, hiện nay ngành nông nghiệp của tỉnh đã và đang triển khai áp dụng hai cách tưới tiết kiệm là tưới phun mưa và tưới nhỏ giọt (*Hệ thống tưới tiết kiệm được lắp đặt khá đơn giản gồm máy bơm, bồn nước, đường ống lắp van điều tiết đặt khắp vườn*). Theo tính toán, tưới tiết kiệm giúp tiết giảm từ 20 - 40%, thậm chí với một số loại cây trồng có thể tiết kiệm được 60 - 70% lượng nước so với phương pháp tưới truyền thống. Ngoài ra, có thể kết hợp bón phân, thuốc bảo vệ thực vật qua hệ thống tưới, giúp giảm chi phí sản xuất. Thời gian qua, việc ứng dụng công nghệ tưới nước tiết kiệm vào sản xuất được đánh giá có nhiều ưu điểm vượt trội so với cách tưới truyền thống. Để ứng phó với tình trạng khan hiếm nguồn nước tưới vào mùa khô, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn của tỉnh đã khuyến khích và sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật lắp đặt mô hình tưới nước tiết kiệm trên diện tích các loại cây trồng khác nhau. Bên cạnh đó, áp dụng các phương thức canh tác tiên tiến (*SRI, 3 tăng 3 giảm, 1 phải 5 giảm*), kỹ thuật tưới tiết kiệm cho lúa (*nông lộ phơi, ướt khô xen kẽ*); phối hợp chặt chẽ với địa phương trong việc triển khai mô hình cánh đồng lớn và thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên diện tích đất lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng có hiệu quả theo hướng bền vững, ổn định lâu dài trên địa bàn tỉnh; chủ động điều tiết nước tưới luân phiên, tiết kiệm và hiệu quả đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất; triển khai mô hình thí điểm sản xuất lúa 02 vụ/năm trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao năng suất sản xuất và tiết kiệm nước trong công tác điều tiết nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

3.3. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản:

a) Thực trạng quản lý, khai thác khoáng sản:

Giai đoạn 2016-2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 24 văn bản thuộc thẩm quyền về quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh nhằm cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan Trung ương ban hành, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, tạo hành lang pháp lý, nhằm tăng cường hiệu lực,

hiệu quả quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về công tác quản lý khoáng sản và tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản để nâng cao nhận thức pháp luật về khoáng sản.

Tính từ năm 2016 đến ngày 20/12/2021, trên địa bàn tỉnh đã cấp 35 giấy phép khai thác khoáng sản, trong đó Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp 04 giấy phép (01 titan, 03 đá ốp lát), Ủy ban nhân dân tỉnh cấp 31 giấy phép (05 đá xây dựng, 02 đá chẻ, 17 cát xây dựng, 06 vật liệu san lấp, 01 sét gạch ngói). Đến nay, có 65 giấy phép còn hiệu lực, gồm: 01 nước khoáng (công suất khai thác 475 m³/ngày), 02 titan (diện tích 2.165 ha, trữ lượng 7.258.776 tấn, công suất khai thác 318.404 tấn/năm), 07 đá ốp lát (diện tích 78,3 ha, trữ lượng 5.183.056m³, công suất khai thác 195.326m³/năm), 29 đá xây dựng (diện tích 411,75 ha, trữ lượng 170.385.682m³, công suất khai thác 5.642.000m³/năm), 02 đá chẻ xây dựng (diện tích 9,09 ha, trữ lượng 1.628.620m³, công suất khai thác 56.400 m³/năm), 20 cát xây dựng (diện tích 60,39 ha, trữ lượng 689.346m³, công suất khai thác 169.162 m³/năm), 04 vật liệu san lấp (diện tích 52,15 ha, trữ lượng 2.436.913m³, công suất khai thác 311.800 m³/năm).

b) Chấp hành và không chấp hành các quy định của pháp luật tài nguyên khoáng sản:

Trong những năm gần đây, hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đã được ban hành cơ bản toàn diện, kịp thời, được bổ sung, điều chỉnh sát với tình hình thực tiễn và ngày càng hoàn thiện hơn; công tác quản lý nhà nước về khoáng sản được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, kịp thời của cấp có thẩm quyền; Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản quản lý nhà nước về khoáng sản tạo hành lang pháp lý trong công tác quản lý khoáng sản ở địa phương; công tác thẩm định, cấp phép hoạt động khoáng sản đảm bảo chặt chẽ, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, không có trường hợp cấp sai, cấp trái quy định; công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động khoáng sản được tăng cường thường xuyên và kịp thời nên hiệu lực, hiệu quả quản lý ngày càng được nâng cao, hoạt động khoáng sản dần đi vào nề nếp. Các tổ chức, cá nhân được cấp phép thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản đều chấp hành các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động, thực hiện công tác bảo vệ môi trường và các nghĩa vụ, trách nhiệm trước, trong và sau khi kết thúc khai thác. Bên cạnh đó, vẫn có những trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp phép chưa chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật trong hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, tiêu thụ khoáng sản và hoạt động khai thác khoáng sản trái phép diễn ra hầu hết ở các địa bàn trong tỉnh, gây thất thoát tài nguyên, thất thu ngân sách.

c) Việc tuân thủ các nguyên tắc, quy định về quản lý, khai thác khoáng sản:

Các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh được điều tra, đánh giá tiềm năng và đưa vào Quy hoạch để thăm dò, khai thác. Công tác cấp phép, quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản luôn bảo đảm nguyên tắc đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội và

quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên khoáng sản của tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đô thị hoá; đồng thời bảo đảm sự phát triển hài hoà, bền vững.

d) Việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác tài nguyên khoáng sản; quản lý theo quy định của pháp luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các pháp luật chuyên ngành:

Việc đầu tư thăm dò khoáng sản được chú trọng; trữ lượng, chất lượng khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm được đánh giá đầy đủ; công tác thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản thực hiện thường xuyên. Các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đã đánh giá đầy đủ trữ lượng, chất lượng và xác định tất cả các loại khoáng sản có trong khu vực; khuyến khích đầu tư, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại để khai thác, thu hồi tối đa các loại khoáng sản có ích đi kèm đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, kinh tế. Công tác thanh, kiểm tra, giám sát hoạt động khoáng sản được tăng cường; ngăn chặn việc khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trái pháp luật, không đúng với quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện các giải pháp hiệu quả để bảo vệ, khai thác tài nguyên khoáng sản; xử lý nghiêm các vi phạm xảy ra góp phần đưa công tác quản lý tài nguyên khoáng sản đi vào nền nếp theo đúng quy định của pháp luật.

e) Các vi phạm trong công tác sử dụng tài nguyên khoáng sản:

Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh trong những năm gần đây, vẫn còn không ít những sai phạm trong hoạt động khoáng sản được phát hiện qua công tác thanh, kiểm tra của các cấp, các ngành (*Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán nhà nước, thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan địa phương*) như: chưa thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trước và trong quá trình khai thác, chế biến; khai thác vượt công suất; không đúng theo thiết kế mỏ; kê khai không đúng sản lượng đã khai thác; nợ thuế, phí, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản... Trong giai đoạn 2016-2021, các cơ quan có chức năng đã tổ chức hơn 1.158 cuộc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động khoáng sản đối với các tổ chức, cá nhân được cấp phép và khai thác khoáng sản trái phép (theo kế hoạch và đột xuất). Kết quả thanh, kiểm tra đã xử lý vi phạm hành chính, truy thu thuế, phí với tổng số tiền hơn 14,75 tỷ đồng. Riêng cơ quan thuế đã xử phạt vi phạm hành chính và truy thu thuế, phí với số tiền hơn 9,5 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước.

g) Về tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính trong hoạt động khai thác khoáng sản:

Các khoản thu, nộp ngân sách nhà nước chính đối với hoạt động khai thác khoáng sản là tiền cấp quyền khai thác, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường. Ngoài ra, còn một số các khoản thuế, phí khác như: tiền thuê đất, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp,... Tổng nộp ngân sách nhà nước trong hoạt động khai thác khoáng sản giai đoạn 2016-2021 là **275,2 tỷ đồng**, trong đó:

+ Năm 2016, tổng nộp ngân sách Nhà nước là 28,8 tỷ đồng, trong đó tiền cấp quyền khai thác 14,3 tỷ đồng, thuế tài nguyên là 7,9 tỷ đồng, phí bảo vệ môi

trường là 3,7 tỷ đồng, các khoản thuế phí khác là 2,9 tỷ đồng.

+ Năm 2017, tổng nộp ngân sách Nhà nước là 38,9 tỷ đồng, trong đó tiền cấp quyền khai thác 24,1 tỷ đồng, thuế tài nguyên là 9,7 tỷ đồng, phí bảo vệ môi trường là 4,3 tỷ đồng, các khoản thuế phí khác là 0,8 tỷ đồng.

+ Năm 2018, tổng nộp ngân sách Nhà nước là 30,1 tỷ đồng, trong đó tiền cấp quyền khai thác 12,9 tỷ đồng, thuế tài nguyên là 11,5 tỷ đồng, phí bảo vệ môi trường là 4,5 tỷ đồng, các khoản thuế phí khác là 1,2 tỷ đồng.

+ Năm 2019, tổng nộp ngân sách Nhà nước là 55,9 tỷ đồng, trong đó tiền cấp quyền khai thác 20,3 tỷ đồng, thuế tài nguyên là 20,4 tỷ đồng, phí bảo vệ môi trường là 7,9 tỷ đồng, các khoản thuế phí khác là 7,3 tỷ đồng.

+ Năm 2020, tổng nộp ngân sách Nhà nước là 43,4 tỷ đồng, trong đó tiền cấp quyền khai thác 20,4 tỷ đồng, thuế tài nguyên là 14,7 tỷ đồng, phí bảo vệ môi trường là 5,3 tỷ đồng, các khoản thuế phí khác là 3,0 tỷ đồng.

+ Năm 2021, tổng nộp ngân sách Nhà nước là 78,1 tỷ đồng, trong đó tiền cấp quyền khai thác 45,4 tỷ đồng, thuế tài nguyên là 20,7 tỷ đồng, phí bảo vệ môi trường là 9,9 tỷ đồng, các khoản thuế phí khác là 2,1 tỷ đồng.

h) Số liệu về cấp giấy phép khai thác không còn hiệu lực:

Tính đến 31/12/2021, trên địa bàn tỉnh có 05 Giấy phép khai thác khoáng sản đã chấm dứt hiệu lực, gồm 01 Giấy phép khai thác đất san lấp và 04 giấy phép khai thác cát xây dựng, trong đó 02 Giấy phép đã thực hiện đóng cửa mỏ, 03 giấy phép đang lập hồ sơ đóng cửa mỏ.

i) Vấn đề tiết kiệm trong khai thác tài nguyên khoáng sản:

- Công tác thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản được chú trọng, chất lượng, trữ lượng khoáng sản được thăm dò có độ tin cậy cao; công tác thẩm định, cấp phép khai thác khoáng sản chặt chẽ, đảm bảo cấp đúng, cấp đủ trữ lượng khoáng sản được thăm dò, phê duyệt.

- Các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác đã đầu tư công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản tiên tiến, hiện đại để khai thác hiệu quả, tối đa khoáng sản được cấp phép, hạn chế các tổn thất do phương pháp, công nghệ khai thác lạc hậu; nâng cao giá trị sản phẩm sau chế biến.

- Giải quyết cho thu hồi toàn bộ khối lượng khoáng sản đi kèm tại các mỏ được cấp phép (*đất tầng phủ; đá không đạt tiêu chuẩn làm đá ốp lát,...*); khối lượng đất, đá, cát phát sinh từ việc thi công các công trình, dự án (*đường giao thông, khu công nghiệp, các dự án du lịch, năng lượng,...*), từ việc nạo vét (*cảng cá, cửa sông, cửa biển, lòng hồ, sông suối,...*), từ hoạt động cải tạo đất sản xuất nông nghiệp,... để sử dụng làm khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường, từ đó tận dụng được nguồn tài nguyên khoáng sản, tránh thất thoát, lãng phí từ việc đổ thải và đóng góp các khoản thu vào ngân sách nhà nước (*thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường*).

- Cấp dự án đầu tư sản xuất cát nghiền nhân tạo để tận dụng các loại đất đá thải đưa vào xay nghiền, sàng rửa để tuyển tách ra nguyên liệu cát đáp ứng tiêu chuẩn làm cát xây dựng, dần thay thế nguồn cát tự nhiên khai thác từ lòng sông, suối (đã cấp 02 dự án).

- Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với cơ quan thuế tăng cường các biện pháp kiểm tra, kiểm soát sản lượng khai thác và kê khai thuế, phí của các doanh nghiệp (*đối chiếu sản lượng khai thác và kê khai thuế; kiểm tra hóa đơn, chứng từ kê khai thuế của doanh nghiệp*) để đảm bảo thu đúng, thu đủ các khoản thuế phí từ hoạt động khai thác khoáng sản; kịp thời phát hiện và xử lý đối với các doanh nghiệp kê khai không đúng sản lượng khai thác, truy thu các khoản thuế, phí, hạn chế việc thất thoát, thất thu ngân sách.

3.4. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo:

a) Công tác tổng hợp, báo cáo các số liệu về thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo:

- Công tác tuyên truyền pháp luật về biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh:

Giai đoạn 2016-2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có biển và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có biển trên địa bàn tỉnh tổ chức 40 lớp tuyên truyền phổ biến pháp luật (*năm 2016: 10 lớp; năm 2017: 09 lớp; năm 2019: 07 lớp và năm 2020: 07 lớp*) về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến vị trí, vai trò, tầm quan trọng của biển, đảo đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các quy định về khai thác, sử dụng, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên – môi trường biển cho các đối tượng là cán bộ, công chức cấp xã, các tuyên truyền viên pháp luật của các thôn/khu phố, đại diện hộ gia đình, chủ cơ sở, phương tiện đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản thuộc các xã, phường, thị trấn có biển trên địa bàn tỉnh và đã thu hút 2.800 lượt người tham dự.

Ngoài ra, hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường còn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và Ngày Đại dương thế giới trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định. Bao gồm các hoạt động như: Tổ chức Lễ Mít tinh hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, Ngày Đại dương thế giới; ... Hoạt động đã thu hút sự tham gia của hàng trăm đoàn viên, thanh niên và Nhân dân địa phương; góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh.

- Kết quả thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển:

Trên cơ sở kết quả Dự án “Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng khai thác, nhu cầu sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ để xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường vùng bờ biển tỉnh Ninh Thuận”. Được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục triển khai dự án “Xây dựng phần mềm và cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường biển tỉnh Ninh Thuận” (*hiện nay dự án đang trong quá trình thực hiện*). Kết quả của dự án làm cơ sở khoa học

phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển trên địa bàn tỉnh; góp phần tạo ra một bức tranh tổng thể về hiện trạng sử dụng tài nguyên, môi trường vùng bờ biển của tỉnh.

- Công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu trên biển:

Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND tỉnh ngày 23/6/2015 Quy định lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Giai đoạn 2016-2021, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố đã tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có biển phê duyệt 44 quyết định (trong đó: UBND cấp tỉnh 19 quyết định và UBND cấp huyện 25 quyết định) phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh.

Mặt khác, trong năm 2016 Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì tham mưu Xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và Bản đồ nhạy cảm môi trường đường bờ tỉnh Ninh Thuận và đã được Ủy ban Tìm kiếm cứu nạn Quốc gia phê duyệt tại Quyết định số 290/QĐ-UB ngày 08/6/2017.

b) Công tác thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển:

Ngày 03/12/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Ninh Thuận tại Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 và Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 về việc phê duyệt và công bố Đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm tỉnh Ninh Thuận.

c) Giao, sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh:

Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cho các Công ty, doanh nghiệp thuê đất có mặt nước biển với diện tích 1.236,65 m² và giao khu vực biển cho Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Trung Nam Cà Ná để thực hiện Dự án Cảng biển tổng hợp Cà Ná giai đoạn 1 tiếp nhận tàu trọng tải 100.000 DWT tại vùng biển thuộc xã Phước Diêm, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, với diện tích 77,39 ha biển (tại Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 09/11/2020).

d) Việc tuân thủ các nguyên tắc, các quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương có biển thực hiện đúng các nguyên tắc, quy định quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015 và Luật Biển Việt Nam và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Công tác tham mưu Quyết định giao khu vực biển đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển đối với các tổ chức, cá nhân được thực hiện thường xuyên.

Qua kiểm tra, giám sát, các tổ chức, cá nhân được cấp phép đã thực hiện khai thác, sử dụng tài nguyên biển đúng với các nội dung quy định trong Quyết định.

e) Việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo theo quy định của pháp luật THTK, CLP và các văn bản pháp luật chuyên ngành:

Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức rà soát các thủ tục hành chính về lĩnh vực biển và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công bố thủ tục hành chính mới, bổ sung về lĩnh vực biển thuộc thẩm quyền giải quyết. Mục đích đơn giản hóa thủ tục hành chính là cắt giảm bớt số ngày giải quyết hồ sơ so với thời gian được quy định, nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiết kiệm được thời gian trong việc thực hiện các thủ tục hồ sơ giao khu vực biển theo quy định. Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các thủ tục hành chính về lĩnh vực biển.

Việc tiếp nhận các hồ sơ có trong danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực biển đều được thực hiện đảm bảo thông qua kênh nhận hồ sơ từ Trung tâm phục vụ hành chính công, chuyển bưu điện đưa về Sở Tài nguyên và Môi trường, đảm bảo tiết kiệm chi phí, thời gian cho người dân, doanh nghiệp, góp phần đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 trong tình hình mới.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Nhận xét, đánh giá:

Được sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trong sinh hoạt thường kỳ hàng tuần, hàng tháng có lồng ghép nội dung thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để tuyên truyền, phổ biến kịp thời và đầy đủ các văn bản pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động của Sở Tài nguyên và Môi trường, đã nâng cao sự hiểu biết pháp luật và nhận thức của các công chức, viên chức và người lao động, từ đó có những hành động, việc làm cụ thể tạo chuyển biến thực sự trong lề lối làm việc, cải cách hành chính và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại đơn vị.

Nhìn chung, Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị trực thuộc đã thực hiện đúng các quy định hiện hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021.

2. Nguyên nhân:

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia chưa kịp thời nên ảnh hưởng đến tiến độ lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh do phải chờ chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia phân bổ; việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia cho tỉnh Ninh Thuận còn nhiều chỉ tiêu chưa thật phù hợp, không sát với nhu cầu thực tế của địa phương.

Công tác dự báo và quy hoạch các ngành làm cơ sở cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn những hạn chế nhất định. Nhu cầu sử dụng đất của một số ngành

có liên quan đến sử dụng đất phi nông nghiệp còn nặng về định hướng lâu dài mà chưa cân nhắc đầy đủ đến khả năng huy động về tài chính, nguồn lực để thực hiện trong kỳ kế hoạch nên dẫn đến mức độ thực hiện còn thấp so với chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian đến, Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp như sau:

1. Nhiệm vụ:

- Tiếp tục thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan theo Chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”, rút ngắn thời gian thực hiện, tiết kiệm thời gian và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp;

- Các cơ quan, đơn vị thuộc Sở phối hợp với các đoàn thể, tổ chức quần chúng có trách nhiệm tiếp tục tổ chức học tập, quán triệt các văn bản liên quan đến công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nhằm tăng cường hiểu biết pháp luật, nâng cao nhận thức để công chức, viên chức, người lao động có những hành động, việc làm cụ thể tạo chuyển biến thực sự trong lề lối làm việc, cải cách hành chính và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Công khai, minh bạch trong các lĩnh vực hoạt động; chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi tiêu, sử dụng kinh phí ngân sách của cơ quan, đơn vị;

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực: Quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; quản lý đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng đất đai gắn liền với trụ sở làm việc; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; đào tạo, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

2. Giải pháp:

- Đối với đất trồng lúa: Xác định rõ chỉ tiêu không chế về diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt; phân bổ và xác định rõ ranh giới ngoài thực địa, giao cho UBND cấp huyện lập bản đồ, cắm mốc ngoài thực địa diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ và công khai đến từng đơn vị hành chính cấp xã, giao cho UBND cấp xã chịu trách nhiệm quản lý. Trong trường hợp cần thiết chuyển mục đích, các địa phương phải có kế hoạch bù đắp diện tích đất lúa đã bị mất và phải được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

- Đối với đất khu, cụm công nghiệp: Tiếp tục rà soát thực trạng sử dụng đất, thực hiện thu hút đầu tư để lấp đầy diện tích cho thuê, không bỏ trống đất đai gây lãng phí tài nguyên; chỉ thực hiện mở rộng, quy hoạch mới các khu, cụm công nghiệp khi đã lấp đầy khu, cụm công nghiệp hiện có.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên, phải gắn với xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng quy định; quản lý chặt chẽ đất trồng lúa, quỹ đất dự trữ cho phát triển đô thị, phát triển công nghiệp theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật về đất đai nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền lợi và nghĩa vụ sử dụng đất, thông qua đó tạo sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Phát huy vai trò của các cấp ủy đảng, tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong tham gia đóng góp và giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Trên đây là báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường./.

(Hồ sơ kèm theo:

- Phụ lục 1, 2, 3: Kết quả về công tác phòng chống, tham nhũng;

- Phụ lục A: Tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm chống lãng phí giai đoạn 2016-2021;

- Phụ lục C: (C.01: Tình hình lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2021; C.03: Tình hình thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai giai đoạn 2016-2021; C.04: Tình hình thu hồi đất theo Điều 65 Luật đất đai giai đoạn 2016-2021; C.05: Tình hình giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất giai đoạn 2016-2021; C.06: Tình hình giao, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất giai đoạn 2016-2021; C.07: Tình hình thực hiện các dự án theo hình thức thỏa thuận (Điều 73 Luật Đất đai) giai đoạn 2016-2021; C.08: Tình hình giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và vi phạm pháp luật về đất đai).

- Phụ lục số 02: Tình hình quản lý, sử dụng đất giai đoạn 2016-2021.

Nơi nhận:

- Đoàn Giám sát - HĐND tỉnh (báo cáo);
- GD và các PGD Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Ngọc Thạch